

Số: 81/2024/QĐCNTTLH

Đại Từ, ngày 28 tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN**  
**CỦA CÁC BÊN THAM GIA HOÀ GIẢI TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ các điều 32, 33, 34, Điều 35 của Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của chị Trần Thị L và anh Trần Văn T.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 10 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, chia tài sản chung” của chị Trần Thị L.

- Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải ngày 10 tháng 10 năm 2024 về thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hoà giải sau đây:

- *Người khởi kiện:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện Đ, Thái Nguyên

- *Người bị kiện:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Xóm Tân Lập, xã Tân Thái, huyện Đại Từ, Thái Nguyên

Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các bên tham gia hoà giải được ghi trong biên bản ghi nhận kết quả hoà giải ngày 10 tháng 10 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại điều 33 của Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án;

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các bên tham gia hoà giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải ngày 10 tháng 10 năm 2024, cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị L và anh Trần Văn T cùng xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng và kéo dài, thời gian ly thân đã lâu. Vợ chồng cùng thống nhất thoả thuận thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là: cháu Trần Thị Hà A, sinh ngày 01/8/2011; Trần Bảo N, sinh ngày 04/11/2016.

Chị L, anh T thống nhất thỏa thuận về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung như sau: Giao cả hai con chung cháu Trần Thị Hà A, sinh ngày 01/8/2011; Trần Bảo N, sinh ngày 04/11/2016 cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về người nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận việc anh T tự nguyện thỏa thuận có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L đối với hai con chung mỗi con 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng). Hai con là 4.000.000đ/tháng (Bốn triệu đồng)

*Thời điểm thực hiện cấp dưỡng*: Kể từ tháng 10/2024 cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động hoặc khi chị L có thay đổi việc cấp dưỡng.

Về lãi suất chậm thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Đôi bên thỏa thuận tính lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật trong trường hợp anh T không nộp tiền cấp dưỡng theo thỏa thuận ghi nhận, khi chị L có đơn đề nghị thi hành án.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chấm dứt theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung*: Chị L anh T thống nhất thỏa thuận phân chia tài sản như sau:

**\*Giao cho chị Trần Thị L được quyền sử dụng:**

- Thừa đất số 46, tờ bản đồ 44, diện tích 200m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn (ONT). Thời hạn sử dụng: lâu dài. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 00965, số phát hành DE 379723 do Sở Tài nguyên & môi trường tỉnh T cấp ngày 18/5/2022 mang tên Trần Thị L, vị trí thửa đất thuộc xóm T, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;

- Thửa đất số 138, tờ bản đồ 44. Diện tích 487m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm (CLN). Thời hạn sử dụng đến năm 2064. Giấy chứng nhận QSD đất 2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 00966, số phát hành: DE 379724 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 18/05/2022. Địa chỉ thửa đất: xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Chủ sử dụng đất mang tên bà Trần Thị L.

- Thửa đất số 254 tờ bản đồ số 34 diện tích 203,0m<sup>2</sup> mục đích sử dụng: đất ở nông thôn (ONT); Thời hạn sử dụng: lâu dài; Địa chỉ thửa đất: xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Chủ sử dụng đất mang tên bà Trần Thị L. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 00983, số phát hành: DE 943475 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 01/07/2022. Địa chỉ thửa đất: xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Mang tên bà Trần Thị L.

- Thửa đất số 162 tờ bản đồ số 31 diện tích 181,0m<sup>2</sup> mục đích sử dụng: đất ở nông thôn (ONT); Thời hạn sử dụng: lâu dài; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00174, số phát hành: CI 295636 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 13/9/2017. Địa chỉ thửa đất: xóm T, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mang tên Ông Trần Văn T và bà Trần Thị L.

Tài sản trên đất: Tại thửa đất nêu trên có 01 căn nhà xây kiên cố và các công trình trên đất. Hiện tại thửa đất nêu trên đang thế chấp tại ngân hàng Cổ phần T1 - Chi nhánh T2- PGD Đại Từ theo Hợp đồng thế chấp số: 220/01.2018/HĐTC ngày 08/01/2018.

(Theo văn bản thỏa thuận tài sản chung của vợ chồng thành tài sản riêng lập ngày 10/6/2024 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên). Chị L có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất là tài sản riêng theo quy định.

Anh T cam kết giao toàn bộ tài sản, quyền sử dụng đất 04 thửa đất nêu trên trong đó có công trình trên đất (nhà xây kiên cố và các công trình trên đất thửa 162 tờ bản đồ số 31 diện tích 181,0m<sup>2</sup> ) cho chị L ngay sau khi quyết định công nhận thuận tình ly hôn của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án có hiệu lực.

Trường hợp các bên không thực hiện cam kết thì chị L có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự cưỡng chế giao tài sản cho chị L như thỏa thuận phân chia theo quy định của pháp luật.

**\*Về trích trả giá trị chênh lệch về tài sản và được hưởng:**

Ghi nhận sự tự nguyện giữa chị Trần Thị L với anh Trần Văn T việc trích trả chênh lệch tài sản: Chị L có trách nhiệm trích trả cho anh T là 2.500.000.000đ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng).

Anh Trần Văn T được sử dụng số tiền 2.500.000.000đ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng) do chị Trần Thị L trích trả.

Thời hạn trích trả được chia làm 02 lần:

- Lần 1: Chị L có trách nhiệm thanh toán cho anh T 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) vào ngày 10/10/2024 (Thanh toán ngay trong phiên hòa giải).

- Lần 2: Chị L có trách nhiệm thanh toán nốt số tiền 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng) sau khi Tòa án ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án.

- *Khoản nợ chung, cho vay chung:*

Chị Trần Thị L và anh Trần Văn T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, tự thỏa thuận nên không kê khai.

- *Về các vấn đề khác:* Không có.

**2.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

**3.** Các bên, người đại diện hoặc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến quyết định của Tòa án có quyền đề nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hoà giải thành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hoà giải thành trong thời hạn 15 ngày nhận được quyết định của Tòa án./.

***Nơi nhận:***

- Các bên tham gia hoà giải;
- VKSND, TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đại Từ;
- THADS Thuyện Đại Từ;
- UBND xã Tân Thái (ĐKKH số 17, quyển số 01/2011 ngày 04/4/2011);
- Lưu HS, VP.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thu Hà**